Tạp chí Khoa học Điều dưỡng
Journal of Nursing Science
Journal homepage: www.jns.vn

Sự tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk

Nguyễn Minh Châu[1], Nguyễn Tấn Đức[2], Tạ Thị Nhất Sương[1], Chung Khánh Bằng[1], Nguyễn Thị Thắm[3]
[1]Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk; [2]Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi;
[3]Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City

TÓM TẮT

Mục tiêu: *Mô tả thực trạng mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk năm 2026 và một số yếu tố liên quan.* ***Đối tượng và phương pháp:*** *Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 303 sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba trường cao đẳng Y tế Đắk Lắk. Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng được đánh giá bằng thang SCS, với điểm trung bình từ 1-10, gồm ba lĩnh vực: kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp; kỹ thuật chăm sóc và theo dõi người bệnh; kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống chăm sóc. Kết quả được trình bày bằng tần số, tỷ lệ phần trăm, trung bình và độ lệch chuẩn.* ***Kết quả:*** *Sinh viên nữ chiếm 91,7%; sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba chiếm lần lượt 53,8% và 46,2%. Điểm tự tin chung đạt 6,06 ± 2,27. Điểm cao nhất thuộc lĩnh vực kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp (6,51 ± 2,44), tiếp đến là kỹ thuật chăm sóc và theo dõi người bệnh (5,94 ± 2,31), thấp nhất ở kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống (5,42 ± 2,38). Sinh viên có mức tự tin trung bình chiếm 85,1%, mức thấp chiếm 9,2% và mức cao chiếm 5,6%. Giới tính có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với mức tự tin cao trong thực hành lâm sàng.* ***Kết luận:*** *Sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk chủ yếu có mức độ tự tin trung bình trong thực hành lâm sàng, với điểm tự tin thấp nhất ở lĩnh vực kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống chăm sóc. Cần tăng cường hướng dẫn và tạo cơ hội thực hành có giám sát đối với các kỹ thuật phức tạp và tình huống chăm sóc nhằm hỗ trợ nâng cao sự tự tin của sinh viên.*

Từ khóa: *Sự tự tin; thực hành lâm sàng; sinh viên điều dưỡng; đào tạo điều dưỡng.*

Self-confidence in clinical practice among second-and third-year nursing students at Dak Lak Medical College

Nguyen Minh Chau[1], Nguyen Tan Duc[2], Ta Thi Nhat Suong[1], Chung Khanh Bang[1], Nguyen Thi Tham[3]
[1]Dak Lak Medical College; [2]Quang Ngai Union of Science and Technology Associations;
[3]Vinmec Times City International Hospital

ABSTRACT

Objective*: To describe self-confidence in clinical practice and associated factors among second- and third-year nursing students at Dak Lak Medical College in 2026.* ***Methods****: A descriptive cross-sectional study was conducted among 303 second- and third-year nursing students at Dak Lak Medical College. Clinical practice self-confidence was assessed using the SCS, with mean scores ranging from 1 to 10 across three domains: basic nursing procedures and communication; patient care and monitoring procedures; and complex clinical procedures and responses to patient care situations. Data were summarized using frequencies, percentages, means, and standard deviations.* ***Results****: Female students accounted for 91.7% of participants. Second- and third-year students represented 53.8% and 46.2%, respectively. The overall mean self-confidence score was 6.06 ± 2.27. The highest mean score was recorded for basic nursing procedures and communication (6.51 ± 2.44), followed by patient care and monitoring procedures (5.94 ± 2.31). The lowest score was observed for complex clinical procedures and responses to patient care situations (5.42 ± 2.38). Moderate, low, and high self-confidence levels were reported by 85.1%, 9.2%, and 5.6% of students, respectively. Sex was significantly associated with high self-confidence in clinical practice.* ***Conclusion****: Second- and third-year nursing students at Dak Lak Medical College predominantly reported moderate self-confidence in clinical practice, with the lowest scores in complex clinical procedures and responses to patient care situations. Additional guidance and opportunities for supervised practice in complex procedures and patient care situations are recommended to support students' clinical self-confidence.*

Keywords*: Self-confidence; clinical practice; nursing students; nursing education.*

Tác giả: Nguyễn Minh Châu
Email: minhchaytcyt@gmail.com
DOI: 10.54436/jns.2026.06.1407

Ngày nhận bài: 01/10/2026
Ngày hoàn thiện: 24/11/2026
Ngày đăng bài: 25/11/2026

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành lâm sàng là thành phần thiết yếu trong đào tạo điều dưỡng, giúp sinh viên vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm chăm sóc người bệnh. Trong quá trình này, sự tự tin vào khả năng thực hiện nhiệm vụ có ý nghĩa đối với việc chủ động học tập và tham gia các hoạt động thực hành. Theo Bandura, niềm tin vào năng lực bản thân được hình thành từ kinh nghiệm thực hiện, quan sát người khác, sự khích lệ và trạng thái tâm lý, sinh lý [1]. Nghiên cứu của Barkhordari-Sharifabad và cộng sự ghi nhận mối tương quan thuận giữa năng lực phản tư và niềm tin vào năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên điều dưỡng [2]. Tổng quan hệ thống của Alrashidi và cộng sự cũng cho thấy đào tạo mô phỏng có thể hỗ trợ nâng cao sự tự tin khi thực hiện nhiệm vụ lâm sàng, giao tiếp và làm việc nhóm [3]. Vì vậy, đánh giá sự tự tin là một nội dung cần quan tâm nhằm xác định nhu cầu hỗ trợ sinh viên trong đào tạo thực hành.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy phần lớn sinh viên điều dưỡng có mức độ tự tin trung bình trong thực hành lâm sàng. Nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự trên 222 sinh viên cao đẳng điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba tại một số trường khu vực Tây Nguyên năm 2023 ghi nhận điểm tự tin trung bình là 7,7 ± 1,5 trên thang điểm 10; 78,8% sinh viên có mức tự tin trung bình và 21,2% có mức tự tin cao [4]. Tại Đại học Duy Tân năm 2025, Trần Thị Thu Hương và cộng sự ghi nhận các tỷ lệ tương ứng là 76,3% và 23,7% [5]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Tuyến và cộng sự trên 139 sinh viên điều dưỡng năm thứ hai đến năm thứ tư tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy điểm tự tin trung bình đạt 7,46 ± 1,10; 70,5% sinh viên có mức tự tin trung bình và 29,5% có mức tự tin cao [6]. Những kết quả này cho thấy cần đánh giá sự tự tin của sinh viên tại từng cơ sở đào tạo, đồng thời cần xem xét khác biệt về đối tượng, công cụ và tiêu chuẩn phân loại khi đối chiếu kết quả.

Theo nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà tại Tây Nguyên năm 2023 ghi nhận sự tự tin khác nhau giữa các kỹ năng, với tỷ lệ tự tin cao khi đo dấu hiệu sinh tồn là 79,7%, trong khi ở kỹ năng thực hiện hoặc phụ giúp nẹp chi và chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong chỉ đạt lần lượt 21,2% và 23,4% [4]. Do đó, việc khảo sát cập nhật tại trường Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk có thể cung cấp cơ sở xác định những kỹ năng sinh viên còn thiếu tự tin, từ đó định hướng hỗ trợ và tổ chức thực hành phù hợp. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: *Mô tả thực trạng mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk năm 2026 và một số yếu tố liên quan.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên ngành Điều dưỡng đang học tập tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên Điều dưỡng năm thứ 2 và năm thứ 3 đã và đang tham gia thực hành lâm sàng tại các cơ sở thực hành theo kế hoạch đào tạo của nhà trường. Đồng ý tham gia nghiên cứu sau khi được giải thích đầy đủ về mục đích và nội dung nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên vắng mặt trong thời gian tiến hành nghiên cứu. Phiếu khảo sát không được hoàn thành đầy đủ hoặc có dấu hiệu trả lời không hợp lệ.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 7 năm 2026 đến tháng 8 năm 2026 tại Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ sinh viên điều dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn, trong đó sinh viên Điều dưỡng năm thứ 2 là 163; sinh viên Điều dưỡng năm thứ 3 là 140 sinh viên. Cỡ mẫu nghiên cứu là 303 sinh viên.

Bộ công cụ khảo sát:

Bộ công cụ khảo sát gồm hai phần:

Phần 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: gồm giới tính, tuổi, năm học, nơi cư trú và dân tộc.

Phần 2. Đánh giá mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng: sử dụng bộ 30 câu hỏi trong nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huyền [7] và Vũ Thị Thu Hà cùng cộng sự [4]. Sinh viên tự đánh giá mức độ tự tin khi thực hiện từng nội dung trên thang điểm từ 1 đến 10; điểm cao hơn thể hiện mức tự tin cao hơn.

Điểm tự tin chung được tính bằng tổng điểm của 30 câu hỏi chia cho 30, có giá trị từ 1 đến 10. Điểm từng lĩnh vực được tính bằng tổng điểm các câu hỏi thuộc lĩnh vực đó chia cho số câu hỏi tương ứng. Ba lĩnh vực được báo cáo gồm: kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp trong chăm sóc người bệnh; kỹ thuật chăm sóc và theo dõi người bệnh; kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống chăm sóc.

Tiêu chuẩn đánh giá: Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng được phân loại dựa trên điểm trung bình của 30 câu hỏi, tham khảo nghiên cứu của Trần Thị Thu Hương và cộng sự [5]: điểm trung bình từ 1 đến dưới 2,5 được phân loại là tự tin thấp; từ 2,5 đến dưới 8,5 là tự tin trung bình; từ 8,5 đến 10 là tự tin cao. Việc phân loại sử dụng điểm trung bình chưa làm tròn.

Số liệu được thu thập bằng phương pháp phát phiếu khảo sát tự điền cho sinh viên. Trước khi phát phiếu, người thu thập số liệu giải thích mục đích nghiên cứu và hướng dẫn cách trả lời bộ câu hỏi. Sinh viên tự điền thông tin và đánh giá mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng theo thang điểm từ 1 đến 10, trả lời độc lập, không trao đổi với người khác. Sau khi sinh viên hoàn thành, người thu thập số liệu thu lại phiếu và kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ trước khi mã hóa, nhập và phân tích số liệu.

Phương pháp phân tích số liệu: Sử dụng tần số, tỷ lệ phần trăm đối với biến định tính; số trung bình và độ lệch chuẩn (hoặc trung vị và khoảng tứ phân vị) đối với biến định lượng nhằm mô tả đặc điểm đối tượng nghiên cứu và phân bố mức độ tự tin.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đề cương của Trường Đại học Thành Đông số 982/QĐ-ĐHTĐ ngày 29/5/2026. Sau khi được chấp thuận, gửi công văn đến Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk để xin phép triển khai nghiên cứu.

KẾT QUẢ

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 303)

Đặc điểm		n	%
Giới tính	Nam	25	8,3
	Nữ	278	91,7
Tuổi	≤ 20	151	49,8
	> 20	152	50,2

Đặc điểm		n	%
Năm học	Năm thứ hai	163	53,8
	Năm thứ ba	140	46,2
Nơi cư trú	Thành thị	95	31,4
	Nông thôn	208	68,6
Dân tộc	Kinh	136	44,9
	Khác	167	55,1

Trong 303 sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ chiếm đa số với 91,7. Sinh viên năm thứ hai chiếm 53,8%, năm thứ ba chiếm 46,2%. Phần lớn sinh viên cư trú tại nông thôn (68,6%).

Bảng 2. Điểm trung bình mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên (n = 303)

Nội dung	Trung bình ± SD
Điểm SCS tổng	6,06 ± 2,27
Lĩnh vực 1: Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp trong chăm sóc người bệnh	6,51 ± 2,44
Lĩnh vực 2: Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc và theo dõi người bệnh	5,94 ± 2,31
Lĩnh vực 3: Thực hiện các kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống chăm sóc	5,42 ± 2,38

Điểm tự tin chung trong thực hành lâm sàng của 303 sinh viên đạt 6,06 ± 2,27 (thang điểm 1–10). Mức độ tự tin phân hóa rõ rệt theo ba lĩnh vực: cao nhất ở nhóm kỹ thuật cơ bản và giao tiếp (6,51 ± 2,44), tiếp đến là chăm sóc và theo dõi người bệnh (5,94 ± 2,31), và thấp nhất ở kỹ thuật phức tạp và xử trí tình huống (5,42 ± 2,38).

Bảng 3. Mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên (n = 303)

Mức độ tự tin	n	%
Thấp	28	9,2
Trung bình	258	85,1
Cao	17	5,7
Tổng	303	100,0

Kết quả khảo sát trên 303 sinh viên cho thấy mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng tập trung chủ yếu ở mức trung bình với 85,1% (258 sinh viên), trong khi nhóm có mức tự tin thấp chiếm 9,2% (28 sinh viên) và chỉ có 5,7% (17 sinh viên) đạt mức cao.

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng của sinh viên (n = 303)

Yếu tố	Nhóm	Thấp/ Trung bình (n)	Cao (n)	OR	KTC 95%	p
Giới tính	Nam	20	5	1	0,058- 0,563	0,008
	Nữ	266	12	0,180		
Tuổi	≤ 20	139	12	1	0,135-1,147	0,078
	>20	147	5	0,394		
Dân tộc	Kinh	129	7	1	0,435-3,170	0,752
	Khác	157	10	1,174		
Năm học	Năm thứ hai	152	11	1	0,223-1-,718	0,353
	Năm thứ ba	134	6	0,619		

Trong các đặc điểm cá nhân được khảo sát, giới tính là yếu có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với mức độ tự tin cao trong thực hành lâm sàng (p = 0,008). Cụ thể, sinh viên nữ có khả năng đạt mức tự tin cao bằng 0,18 lần so với sinh viên nam (OR = 0,180; KTC 95%: 0,058 - 0,563).

BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, nữ chiếm 91,7%, tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Thu Hương và cộng sự tại Đại học Duy Tân (92,1%) [3] và Chu Thị Loan cùng cộng sự tại Thành phố Hồ Chí Minh (90,2%) [8]. Tuy nhiên, cơ cấu dân tộc có sự khác biệt rõ: sinh viên thuộc các dân tộc ngoài dân tộc Kinh chiếm 55,1%, trong khi nghiên cứu tại Đại học Duy Tân chỉ ghi nhận 1,9% [5]. Sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba chiếm lần lượt 53,8% và 46,2%, tương đồng về đối tượng khảo sát với nghiên cứu tại các trường cao đẳng Tây Nguyên của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự [4], trong khi hai nghiên cứu tại Duy Tân và Thành phố Hồ Chí Minh tập trung vào sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư [5, 8]. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên cư trú tại nông thôn cao (68,6%) và sự đa dạng về dân tộc gợi ý cần tìm hiểu nhu cầu hỗ trợ học tập phù hợp với từng nhóm; chưa thể từ các đặc điểm này suy luận sự khác biệt về mức độ tự tin.

Điểm tự tin chung trong thực hành lâm sàng của sinh viên đạt 6,06 ± 2,27 trên thang điểm 1-10. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự trên 222 sinh viên cao đẳng điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba tại Tây Nguyên (7,7 ± 1,5) [4], cũng như nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Tuyến và cộng sự trên 139 sinh viên điều dưỡng năm thứ hai đến năm thứ tư tại Cần Thơ (7,46 ± 1,10) [6]. Nghiên cứu tại Tây Nguyên có sự tương đồng về trình độ đào tạo và năm học, nhưng kết quả được tổng hợp từ ba trường, bao gồm Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk. Do đó, chênh lệch giữa hai nghiên cứu không phản ánh riêng sự thay đổi mức độ tự tin của sinh viên tại trường theo thời gian. Trong ba lĩnh vực,

điểm tự tin ở kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp đạt 6,51 ± 2,44; chăm sóc và theo dõi người bệnh đạt 5,94 ± 2,31; kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống đạt 5,42 ± 2,38. Thứ tự này có điểm tương đồng với kết quả theo từng kỹ năng của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự: tỷ lệ tự tin cao ở kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn và tiêm thuốc lần lượt là 79,7% và 63,5%, trong khi ở thực hiện hoặc phụ giúp nẹp chi và chăm sóc người bệnh hấp hối, tử vong lần lượt là 21,2% và 23,4% [4]. Tuy nhiên, nghiên cứu đối chiếu báo cáo tỷ lệ tự tin cao theo từng kỹ năng, còn nghiên cứu hiện tại báo cáo điểm trung bình theo lĩnh vực. Các kỹ thuật phức tạp và tình huống chăm sóc đòi hỏi sinh viên kết hợp kiến thức, thao tác kỹ thuật, nhận định diễn biến người bệnh, xác định ưu tiên và phối hợp với nhân viên y tế. Đối với sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba, kinh nghiệm thực hành đang trong quá trình hình thành nên việc vận dụng đồng thời các năng lực này có thể làm giảm sự tự tin. Bên cạnh đó, nếu ít có cơ hội trực tiếp thực hiện và nhận phản hồi, sinh viên có thể chưa tích lũy đủ trải nghiệm thành công để củng cố niềm tin vào khả năng của bản thân. Như trong nghiên cứu của Alrashidi và cộng sự năm 2023 trên 15 nghiên cứu cho thấy mô phỏng có thể cải thiện sự tự tin trong thực hiện nhiệm vụ lâm sàng, phán đoán lâm sàng, giao tiếp và phối hợp nhóm [3]. Đây là cơ sở để đề xuất bổ sung mô phỏng các tình huống mà sinh viên còn thiếu tự tin, kết hợp thảo luận sau thực hành để làm rõ cách nhận định và lựa chọn hành động.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 85,1% sinh viên có mức độ tự tin trung bình, 9,2% ở mức thấp và chỉ 5,7% đạt mức cao. Tỷ lệ tự tin cao thấp hơn so với nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà và cộng sự tại các trường cao đẳng Tây Nguyên (21,2%) [4], Trần Thị Thu Hương và cộng sự tại Đại học Duy Tân (23,7%) [5] và Nguyễn Thị Kim Tuyến cùng cộng sự tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (29,5%) [6]. Tỷ lệ lớn sinh viên tập trung ở mức trung bình, đồng thời vẫn có nhóm tự tin thấp, điều này phù hợp với kết quả điểm tự tin thấp hơn ở lĩnh vực kỹ thuật phức tạp và xử trí tình huống trong nghiên cứu hiện tại. Sự khác biệt về kinh nghiệm có thể góp phần giải thích như trong kết quả nghiên cứu của Chu Thị Loan và cộng sự ghi nhận sinh viên năm thứ tư có điểm tự tin cao hơn năm thứ ba sau khi hiệu chỉnh một số yếu tố liên quan [8]. Dù vậy, mức tự tin là đánh giá chủ quan, không thay thế năng lực thực hành được quan sát; tỷ lệ tự tin cao thấp không đồng nghĩa với tỷ lệ sinh viên có năng lực tốt hay chưa tốt. Nhà trường cần ưu tiên xác định những kỹ năng và tình huống mà nhóm sinh viên tự tin thấp gặp khó khăn, từ đó bố trí hướng dẫn cá nhân, thực hành lặp lại có giám sát và phản hồi cụ thể. Với nhóm tự tin trung bình, nên tăng dần mức độ phức tạp của nhiệm vụ phù hợp với năng lực, kết hợp mô phỏng và thảo luận sau thực hành. Hiệu quả hỗ trợ có thể được đánh giá đồng thời bằng thang tự tin và bảng kiểm thực hành hoặc OSCE, nhằm hướng tới sự tự tin phù hợp với năng lực và bảo đảm an toàn người bệnh.

Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan giữa giới tính và mức độ tự tin cao trong thực hành lâm sàng. Sinh viên nữ có mức tự tin cao 0,18 lần so với sinh viên nam (OR = 0,180; KTC 95%: 0,058-0,563; p = 0,008). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Chu Thị Loan và cộng sự, trong đó sinh viên nữ có điểm tự hiệu quả lâm sàng thấp hơn sinh viên nam sau khi hiệu chỉnh các yếu tố trong mô hình (hệ số hồi quy hiệu chỉnh = -11,4; KTC 95%: -22,16 đến -0,54; p = 0,040) [8]. Và có sự khác biệt với nghiên cứu của Trần Thị Thu Hương và cộng sự không ghi nhận khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm tự tin giữa sinh viên nam và nữ tại Đại học Duy Tân (p = 0,448) [5]. Vì vậy, việc hỗ

trợ nên dựa trên mức tự tin và kết quả đánh giá kỹ năng của từng sinh viên. Đối với tuổi, dân tộc và năm học, nghiên cứu chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê.

Hạn chế nghiên cứu: Nghiên cứu chỉ khảo sát sinh viên năm thứ hai và thứ ba tại một trường nên khả năng khái quát còn hạn chế. Mức độ tự tin được sinh viên tự đánh giá, chưa được đối chiếu với năng lực thực hành thực tế. Nghiên cứu chưa xem xét số lần thực hiện kỹ thuật và mức độ hỗ trợ của người hướng dẫn để làm rõ sự tự tin.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 303 sinh viên Điều dưỡng năm thứ hai và năm thứ ba Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk năm 2026 ghi nhận điểm tự tin chung trong thực hành lâm sàng đạt 6,06 ± 2,27 trên thang điểm 1-10. Phần lớn sinh viên có mức tự tin trung bình (85,1%); mức thấp chiếm 9,2% và mức cao chiếm 5,7%. Điểm tự tin cao nhất ở lĩnh vực kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và giao tiếp trong chăm sóc người bệnh (6,51 ± 2,44), thấp nhất ở kỹ thuật lâm sàng phức tạp và xử trí tình huống chăm sóc (5,42 ± 2,38). Nghiên cứu ghi nhận mối liên quan giữa giới tính và mức độ tự tin trong thực hành lâm sàng ($p < 0,05$). Kết quả cho thấy cần ưu tiên xác định những kỹ năng và tình huống mà nhóm sinh viên tự tin thấp gặp khó khăn, từ đó bố trí hướng dẫn cá nhân, thực hành lặp lại có giám sát và phản hồi cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bandura A. Self-efficacy: The Exercise of Control. W. H. Freeman; 1997.

2. Barkhordari-Sharifabad M, Alipour Z, Jahantab R. The role of reflective capacity in clinical self-efficacy of nursing students: A cross-sectional study. BMC Med Educ. 2025;25:614. doi:10.1186/s12909-025-07201-y

3. Alrashidi N, Pasay-an E, Alrashedi MS, et al. Effects of simulation in improving the self-confidence of student nurses in clinical practice: A systematic review. BMC Med Educ. 2023;23:815. doi:10.1186/s12909-023-04793-1

4. Vũ Thị Thu Hà, Vũ Văn Đầu, Vũ Thị Thu Hường và cộng sự. Mức độ tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng tại một số trường cao đẳng khu vực Tây Nguyên năm 2023. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2023;6(5):55-63. doi:10.54436/jns.2023.05.715

5. Trần Thị Thu Hương, Ngô Thị Việt Khanh, Nguyễn Thị Lê và cộng sự. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Đại học Duy Tân năm 2025. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2025;8(4):174-186. doi:10.54436/jns.2025.04.1020

6. Nguyễn Thị Kim Tuyến, Nguyễn Phong Dinh, Võ Thị Mỹ Tuyên và cộng sự. Tương quan giữa động lực học tập và sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng ở sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ. 2026;94:38-44. doi:10.58490/ctjump.2026i94.4373

7. Nguyễn Ngọc Huyền. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên. 2020;225(1):47-52. https://jst.tnu.edu.vn/jst/article/download/2148/pdf

8. Chu Thi Loan, Pham Thi Thu Phuong, Tran Nhat Phuong Anh et al. The self-efficacy in clinical practice among nursing students in Ho Chi Minh City: A cross-sectional study. MedPharmRes. 2025;9(2):158-166. doi:10.32895/UMP.MPR.9.2.15